TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 05 - 2024.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 10 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm: 1993 (vắng có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H do quen biết, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06 tháng 01 năm 2012.

Sau ngày cưới chị N và anh H đi làm thuê sống tự lập riêng. Đến khoảng năm 2017 thì chị N và anh H về ấp P, xã Q để sinh sống. Đến năm 2018 thì chị N về ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống, còn anh H thì đi làm ở huyện L, tỉnh Đồng Tháp, khoảng vài tuần thì về thăm chị N và các con. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị N và anh H bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cải, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Chi N và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay.

Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Hoàng An T, sinh ngày 25/9/2015. Cháu Đ và cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với chị N. Sau khi ly hôn thì chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Đ và T, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 cháu Đ và T.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N và do quen biết, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ngày 06 tháng 01 năm 2012.

Sau ngày cưới anh H và chị N đi làm thuê sống tự lập riêng. Đến khoảng năm 2017 thì anh H và chị N về ấp P, xã Q để sinh sống. Đến năm 2018 thì chị N về ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để sinh sống, còn anh H thì đi làm ở huyện L, tỉnh Đồng Tháp, hàng tuần thì anh H về thăm chị N và các con. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H có mâu thuẫn với gia đình của chị N, giữa

anh H và cha mẹ chị N có bất đồng quan điểm, chị N nghi ngờ anh H có người khác bên ngoài. Anh H và chị N đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay.

Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh H không đồng ý vì anh còn thương vợ, anh H yêu cầu được đoàn tụ. Phương hướng đoàn tụ là chị N và 02 con theo anh H về huyện L, tỉnh Đồng Tháp để anh H gần gủi, chăm sóc.

- Về con chung: Chị N và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Hoàng An T, sinh ngày 25/9/2015. Cháu Đ và cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với chị N. Nếu trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh H đồng ý để chị N nuôi dưỡng 02 cháu Đ và T, anh H không cấp dưỡng nuôi 02 cháu Đ và T.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai ý kiến cùng ngày 08/4/2024 cháu Đ1 và cháu T cùng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Hữu H. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Nguyễn Hữu H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Hữu H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N và anh H do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2012 ngày 06

tháng 01 năm 2012 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, chị N và anh H đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân; anh, chị không tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị N và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Hoàng An T, sinh ngày 25/9/2015. Cháu T và cháu Đ có nguyện vọng muốn sống chung với chị N. Chị N và anh H thống nhất giao 02 cháu Đ và T cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi 02 cháu Đ và T nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa chị N và anh H.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị N và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:*** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu N.*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- *Về con chung*: Giao 02 cháu Nguyễn Hoàng Bảo Đ, sinh ngày 08/12/2010 và Nguyễn Hoàng An T, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn

Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu Nguyễn Hoàng Bảo Đ và Nguyễn Hoàng An T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Hữu H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm*:

Buộc chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008872 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị Thu N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA tỉnh V;

- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND x. T,
h. B, t. V;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương